

ĐÁNH GIÁ GIÁO TRÌNH LIFE-PREINTERMEDIATE DƯỚI QUAN ĐIỂM CỦA GIÁNG VIÊN VÀ SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN NGỮ TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐẠI HỌC HUẾ

Nguyễn Phạm Thanh Vân*, Huỳnh Thị Long Hà

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

Nhận bài: 30/05/2018; Hoàn thành phản biện: 25/06/2018; Duyệt đăng: 30/08/2018

Tóm tắt: Ahmadi và Derakhshan (2016) nói rằng việc đánh giá sách giáo khoa hay giáo trình giúp giáo viên tìm được sách học phù hợp và cho phép họ điều chỉnh và sửa đổi chúng để đáp ứng nhu cầu của học sinh. Nhiều nhà nghiên cứu và giáo viên tiếng Anh cũng nhận thức được tầm quan trọng của việc đánh giá sách giáo khoa. Nghiên cứu này được tiến hành nhằm tìm hiểu nhận thức của giáo viên và học sinh về những điểm mạnh và điểm yếu của giáo trình LIFE-Preintermediate của các tác giả Hughes, Stephenson và Dummett được Cengage Learning xuất bản, sau ba năm sử dụng tại Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế để dạy cho sinh viên năm thứ nhất và năm thứ hai không chuyên ngữ đang theo học khóa học Tiếng Anh cấp độ B1. Một danh sách các tiêu chí đánh giá sách giáo khoa do Mukundan, Nimehchisalem, và Hajimohammadi (2011) được nhóm nghiên cứu áp dụng sau khi đã chỉnh sửa cho phù hợp với đối tượng nghiên cứu. Mười giáo viên và một trăm hai mươi sinh viên tham gia nghiên cứu, với hai trong số giáo viên được mời tham gia phỏng vấn để làm rõ thêm một số thông tin. Dữ liệu thu thập được nhóm tác giả phân tích đầy đủ và dựa vào đó để đưa ra các kiến nghị về việc dạy và học tiếng Anh hiệu quả hơn với giáo trình này.

Từ khóa: Bảng tiêu chí đánh giá giáo trình, đánh giá giáo trình, quan điểm

1. Đặt vấn đề

Có nhiều nhân tố dẫn đến việc học tiếng Anh thành công, trong đó việc lựa chọn giáo trình phù hợp là một nhân tố rất quan trọng. Theo Miekley (2005), giáo trình không chỉ cung cấp cho người học chương trình học một cách hệ thống, trọng tâm và có kế hoạch mà còn cung cấp nội dung kiến thức chuẩn hóa. Theo đó, Ahour và Ahmadi (2012, tr. 176) cũng khẳng định: "Sách giáo khoa là nguồn chính mà có thể truyền đạt những kiến thức và thông tin cho người học một cách dễ dàng và có tổ chức". Chính vì vậy, việc đánh giá giáo trình là một khâu không thể thiếu. Câu hỏi đặt ra là, làm thế nào để có thể đánh giá được giáo trình đó có phù hợp với các mục tiêu đề ra của một khóa học hay không, cũng như đánh giá xem giáo trình đó có phù hợp với nhu cầu và trình độ của người học hay không? Như chúng ta đã biết, giáo trình LIFE-Pre-intermediate đã được chính thức đưa vào sử dụng tại trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế từ năm 2015 đến nay với mong muốn tạo nên sự hứng thú cho người dạy và người học nhằm mang lại hiệu quả cho việc dạy và học Tiếng Anh cho các sinh viên không chuyên ngữ. Tuy nhiên, cho đến bây giờ, chưa có nghiên cứu nào về đánh giá giáo trình này được tiến hành để nhận ra điểm mạnh và điểm yếu của nó cũng như xem giáo trình có hướng tới mục tiêu của khóa học hay không. Để giải quyết vấn đề, yêu cầu cấp bách là thực hiện đánh giá giáo trình này để xác định sự phù hợp của nó đối với sinh viên không chuyên đang theo học học phần Tiếng Anh cấp độ B1 tại trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế nhằm đưa ra những gợi ý để sử dụng

* Email: thanhvan77@gmail.com

tốt hơn, như Ahmadi và Derakhshan (2016) đã khẳng định rằng việc đánh giá sách giáo khoa hay giáo trình giúp giáo viên tìm được sách học phù hợp và cho phép họ điều chỉnh và sửa đổi chúng để đáp ứng nhu cầu của học sinh.

Với những lý do nêu trên, nhóm nghiên cứu đã thực hiện đề tài: "Đánh giá giáo trình LIFE cấp độ Pre-Intermediate dưới quan điểm của giáo viên và sinh viên không chuyên ngữ thuộc Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế". Khảo sát này nhằm: (a) Đánh giá giáo trình LIFE cấp độ Pre-Intermediate dưới quan điểm của giảng viên và sinh viên không chuyên ngữ đang theo học học phần Tiếng Anh B1 tại trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế; (b) Gợi ý các cách sử dụng giáo trình phù hợp nhu cầu và sở thích của sinh viên. Để đạt được mục đích đó, nhóm nghiên cứu đề xuất hai câu hỏi nghiên cứu như sau:

1. Giáo trình Life Pre- intermediate thỏa mãn nhu cầu và hứng thú của sinh viên đến mức độ nào?

2. Giáo viên cần sử dụng giáo trình Life Pre-intermediate như thế nào để đáp ứng nhu cầu và hứng thú của sinh viên?

2. Tổng quan tài liệu về đánh giá giáo trình

2.1. Vai trò đánh giá tài liệu giảng dạy

Rất nhiều tài liệu được sử dụng để hỗ trợ các hoạt động dạy và học Tiếng Anh. Theo Tomlinson (2011, tr. 13-14) sách giáo khoa, sách bài tập, băng cassette, đĩa CD-ROM, video, bản sao, báo cáo hoặc đoạn văn, bất cứ thứ gì trình bày hoặc thông báo về ngôn ngữ được học đều được xem là tài liệu giảng dạy. Tuy nhiên, thật là phi lí khi nói rằng tài liệu nào đó không hợp lệ, không đáng tin cậy, không thực tế và không rõ ràng. Vì vậy, việc đánh giá tài liệu giảng dạy đóng vai trò quan trọng trong quá trình dạy học ngôn ngữ (Ahmad và cộng sự, 2014; Branch, 2009; Cunningsworth, 1995; Sabzalipour & Koosha, 2014; Soori & Jasmhidi, 2013).

Tài liệu giảng dạy cần được đánh giá kỹ nhằm mục đích xác định kết quả của quá trình giảng dạy. Quan trọng, việc đánh giá giáo trình cần dựa trên các tiêu chí và qui trình. Ví dụ, Branch (2009) đề cập đó là: xác định tiêu chuẩn đánh giá, chọn công cụ đánh giá (ví dụ: checklist (Cunningsworth, 1995; Miekley, 2005; Mukundan và cộng sự, 2011) và tiến hành đánh giá. Cunningsworth (1995, tr. 35) bổ sung thêm rằng "đánh giá các tài liệu giảng dạy ngôn ngữ kỹ lưỡng là để đáp ứng nhu cầu học tập của người học, các yêu cầu của chương trình giảng dạy, phương pháp giảng dạy và các khía cạnh ngôn ngữ". Ngoài ra, đánh giá giáo trình còn giúp giáo viên hiểu được thêm các yếu tố từ phía người học. Thực tế cho thấy sinh viên hiếm khi có cơ hội để đánh giá giáo trình họ đang sử dụng. Quan trọng hơn, người học là những người sử dụng tài liệu trực tiếp nên họ sẽ hiểu và nhận biết được cái gì cần thiết và có những phản hồi rất hữu ích (Cunningsworth, 1995). Khi giáo trình được các giáo viên và sinh viên đánh giá tốt, thì việc dạy và học sẽ đạt được kết quả tốt. Do đó, sẽ tạo nên hứng thú học tập cho sinh viên (Cunningsworth, 1995; Tomlinson, 2011).

2.2. Các hình thức đánh giá tài liệu giảng dạy

Các nhà nghiên cứu đã đưa ra các giai đoạn đánh giá giáo trình:

Theo Cunningsworth (1995, tr. 6) và McGrath (2002, tr. 14-15), có ba giai đoạn đánh giá giáo trình: đánh giá trước khi sử dụng, khi sử dụng và sau khi sử dụng. Phân loại này tương tự

như Branch (2009) với các tên khác nhau: đánh giá ban đầu, đánh giá hình thành, và đánh giá tổng kết. Mặc dù các thuật ngữ khác nhau được sử dụng để tham khảo các loại đánh giá tài liệu, các thuật ngữ này về cơ bản tương tự và được thảo luận như sau:

Đánh giá trước khi sử dụng: theo Tomlinson (2011, tr. 23) thường được tiến hành trước khi giáo trình được sử dụng để dự đoán giá trị của giáo trình đối với người dùng để giúp họ lựa chọn giáo trình phù hợp cho khóa học và đưa vào sử dụng ở một lớp học cụ thể. Có vẻ như đánh giá trước khi sử dụng là loại khó nhất vì không có trải nghiệm thực tế sử dụng giáo trình.

Đánh giá giáo trình đang sử dụng: là đánh giá về sự phù hợp của giáo trình có liên quan đến những yêu cầu cụ thể bao gồm các mục tiêu của người học, bối cảnh của người học, các nguồn lực sẵn có, v.v... (Cunningsworth, 1995, tr. 14).

Đánh giá sau khi sử dụng là đánh giá tính phù hợp của sách giáo khoa trong một giai đoạn sử dụng liên tục. Theo Tomlinson (2011, tr. 25), đánh giá loại này có thể là có giá trị nhất vì nó có thể đo được hiệu quả thực tế của giáo trình đối với người sử dụng. Dựa vào dữ liệu được đo lường, người đánh giá có thể đưa ra quyết định đáng tin cậy về việc sử dụng, thích ứng hoặc thay thế giáo trình.

Các giải thích trên của các nhà nghiên cứu cho thấy rằng việc đánh giá các tài liệu có thể được thực hiện linh hoạt miễn là nó là cần thiết. Tuy nhiên, đánh giá sau sử dụng mang lại kết quả tốt hơn vì nó phản ánh nhận thức một cách đầy đủ (Cunningsworth, 1995; Sabzalipour và cộng sự, 2014). Đó cũng là lý do hình thức này được chúng tôi áp dụng để đánh giá giáo trình LIFE-Pre-intermediate.

3. Tiêu chí để đánh giá giáo trình

Danh sách các tiêu chí đánh giá giáo trình (a textbook evaluation checklist) là cái người đánh giá sử dụng để quyết định về những gì cần được đánh giá (Tomlinson, 1998, tr. 220). Hay theo Mukundan và cộng sự (2011), danh sách này là một công cụ giúp cho người đánh giá nắm được các tiêu chí để xem xét giáo trình đó có sử dụng giảng dạy thành công hay không. Nói cách khác, đó là những căn cứ mà người đánh giá dựa vào khi đưa ra quyết định. Các nhà nghiên cứu đã gợi ý nhiều phương thức khác nhau nhằm giúp đánh giá một cách có hệ thống. Theo Cunningsworth (1991) các tiêu chí cần nhắc đến khi đánh giá giáo trình là kích thước, thuộc tính cơ bản của cuốn sách bao gồm mục đích, cách bố trí, phương pháp dạy học. Việc kiểm tra kỹ năng ngôn ngữ, nói, đọc và viết, các tiểu kỹ năng - ngữ pháp và từ vựng, và chức năng cũng được trình bày trong danh sách đánh giá được đề cập bởi Ur (1996) và Cunningsworth (1995). Trong khi đó, Mukundan và cộng sự (2011) chia danh sách tiêu chí đánh giá thành hai loại: "các thuộc tính chung" và "nội dung dạy học". Các thuộc tính chung bao gồm năm tiểu mục: "sự phù hợp của giáo trình và chương trình giảng dạy", "phương pháp dạy học", "sự phù hợp với người học", "thuộc tính vật chất và thực tế", và "tài liệu hỗ trợ giảng dạy". Phần hai tập trung đánh giá các kỹ năng ngôn ngữ và nội dung dạy học.

Trong nghiên cứu này, dựa theo danh sách các tiêu chí đánh giá giáo trình của Mukundan và cộng sự (2011), nhóm tác giả thực hiện một số điều chỉnh để thích nghi với thực tiễn giảng dạy và học tập tại trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế, nơi tiến hành nghiên cứu.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Khách thể nghiên cứu

- Sinh viên: 120 sinh viên chính quy không chuyên ngữ thuộc các chuyên ngành khác nhau của các trường đại học thành viên thuộc Đại học Huế đang theo học học phần Tiếng Anh trình độ B1 tại trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế. Mỗi sinh viên có thái độ, nhu cầu và thói quen học tiếng Anh khác nhau. Trong mỗi lớp, sinh viên có trình độ Anh văn không đồng đều, nhưng cùng sử dụng một bộ giáo trình duy nhất: LIFE- Pre-intermediate.

- Giảng viên: 10 giảng viên đã và đang trực tiếp giảng dạy tiếng Anh cấp độ B1 với giáo trình LIFE- Pre-intermediate. Tất cả đều có kinh nghiệm giảng dạy từ 3 đến 10 năm trở lên.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Lập bảng câu hỏi điều tra:** Chúng tôi đã phát bảng câu hỏi đến 10 giảng viên đang trực tiếp dùng giáo trình LIFE- Pre-intermediate và 120 sinh viên không chuyên ngữ từ các Trường đại học thuộc Đại học Huế đang theo học học phần Tiếng Anh B1 tại trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế. Mỗi bảng câu hỏi được chỉnh sửa và bổ sung cho phù hợp với khách thể nghiên cứu dựa theo tiêu chuẩn đánh giá giáo trình mà Mukundan và cộng sự (2011) đã đề xuất (Phụ lục 1 và 2). Nó bao gồm hai tiêu chí đánh giá chính: các thuộc tính chung và nội dung dạy học. Thang điểm Likert năm điểm được sử dụng để hiển thị mức độ mà hai nhóm tham gia khảo sát đồng ý với các phát biểu liên quan đến các tiêu chí đánh giá giáo trình được cung cấp.

- **Phỏng vấn trực tiếp:** Chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn hai giảng viên để tìm kiếm ý kiến của các giảng viên về giáo trình dựa trên kinh nghiệm của họ trong quá trình sử dụng hoặc để làm rõ bất kỳ sự hiểu nhầm nào nếu có.

- **Phân tích số liệu:** Dữ liệu được khảo sát qua các phiếu câu hỏi, trong đó mỗi câu hỏi bao gồm thang điểm Likert năm điểm đã được phân tích trước. Các câu trả lời được nhập thủ công vào phần mềm máy tính, cụ thể là Microsoft Office Excel 2007 và được xử lý để tìm ra con số và tỷ lệ phần trăm. Dữ liệu định lượng thu được được lập bảng, phân tích và mô tả chi tiết.

5. Kết quả và bàn luận

5.1. Đánh giá về những thuộc tính chung của giáo trình (general attributes)

Tìm hiểu giáo trình giảng dạy và chương trình giảng dạy được lồng ghép trong giáo trình đóng vai trò quan trọng trong quá trình giảng dạy ngoại ngữ. Bởi vì việc này sẽ phản ánh rõ những gì giảng viên sẽ dạy cũng như những gì người học sẽ học. Do đó, cần xem nội dung trong giáo trình có phù hợp với yêu cầu của chương trình giảng dạy hay không. Theo khảo sát đa số giảng viên (90.00%) và sinh viên (86.57%) đồng ý rằng “giáo trình hướng đến mục tiêu chương trình giảng dạy và phù hợp với nhu cầu của sinh viên”.

Theo Cunningsworth (1995), tính linh hoạt của việc sử dụng các phương pháp dạy học nào đó khi tiến hành các hoạt động hay bài tập vẫn là một khía cạnh quan trọng trong việc đánh giá giáo trình. Do đó, một cuốn sách giáo khoa hay giáo trình sẽ không hiệu quả nếu nhiều hoạt động và bài tập không thể được giải quyết thông qua các phương pháp giảng dạy. Bảng 1 bên dưới trình bày ý kiến của giảng viên và sinh viên về vấn đề này.

Bảng 1. Tỷ lệ phản hồi của giáo viên và sinh viên đối với các câu phát biểu liên quan đến phương pháp dạy học của giáo trình

Câu phát biểu	Tỷ lệ phản hồi					
		1	2	3	4	5
Những hoạt động trong giáo trình có thể khai triển tối đa và bao gồm các phương pháp dạy học đa dạng.	T %	0.00	5.00	0.00	95.00	0.00
	S %	0.35	1.80	42.16	52.31	12.38
Những hoạt động trong giáo trình phù hợp với các phương pháp dạy học.	T %	0.00	0.00	0.00	100.00	0.00
	S %	0.35	3.50	29.36	44.41	22.38

T= Giáo viên, S= Sinh viên, %= Tỷ lệ phần trăm, 1= Hoàn toàn không đồng ý, 2= Không đồng ý, 3= Không có ý kiến, 4= Đồng ý, 5= Hoàn toàn đồng ý

Bảng 1 cho thấy rằng gần như toàn bộ (95.00%) giáo viên có quan điểm tích cực rằng các phương pháp dạy học có thể được tích hợp vào bất kỳ loại hoạt động nào trong giáo trình. Điều này cũng nhận sự đồng thuận từ sinh viên (52.31%). Một điểm mạnh nữa đó là tất cả giáo viên (100.00%) chấp nhận sự tương thích giữa các hoạt động (activities) và phương pháp dạy học (English language teaching methodologies). Gần 67.00% sinh viên cũng phản ứng tích cực.

Các yếu tố như kiến thức nền tảng và trình độ của sinh viên (Sabzalipour và cộng sự, 2014; Soori và cộng sự, 2013), mức độ phù hợp về bối cảnh kinh tế-xã hội, về văn hóa của người học (Bahrami, 2015), về nhu cầu của người học (Soori và cộng sự, 2013), về sở thích của người học (như đề xuất của Mukundan và cộng sự) đều tác động và có thể làm cho nhận thức của người tham gia khảo sát thay đổi. Bảng 2 sẽ cung cấp thông tin về sự phù hợp của giáo trình được đánh giá trên năm tiêu chí này theo quan điểm của giáo viên và sinh viên.

Bảng 2. Tỷ lệ phản hồi của giáo viên và sinh viên đối với các phát biểu liên quan đến sự phù hợp của giáo trình với người học

Câu phát biểu	Tỷ lệ phản hồi					
		1	2	3	4	5
Giáo trình phù hợp với kiến thức nền tảng và trình độ của sinh viên	T %	0.00	0.00	25.00	50.00	25.00
	S %	2.45	4.20	19.92	38.81	34.62
Nội dung giáo trình phù hợp với bối cảnh kinh tế-xã hội	T %	0.00	0.00	50.00	50.00	0.00
	S %	2.80	7.34	36.72	36.36	16.78
Khía cạnh văn hóa trong giáo trình phù hợp với văn hóa Việt Nam	T %	0.00	10.00	0.00	90.00	0.00
	S %	2.80	6.99	29.02	40.21	20.98

T= Giáo viên, S= Sinh viên, %= Tỷ lệ phần trăm, 1= Hoàn toàn không đồng ý, 2= Không đồng ý, 3= Không có ý kiến, 4= Đồng ý, 5= Hoàn toàn đồng ý

Từ những số liệu thống kê ở Bảng 2, cho thấy có tỷ lệ phần trăm cao (75.00% và 73.43%) của giáo viên và sinh viên về tính tương thích giữa giáo trình với kiến thức và trình độ của sinh viên. Không có giáo viên nào và chỉ một số nhỏ (6.65%) sinh viên không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý. Về sự phù hợp của nội dung giáo trình với bối cảnh kinh tế-xã hội, nhóm giáo viên và sinh viên tham gia khảo sát đã phản hồi tích cực (50.00% và 53.14%). Khía cạnh văn hóa trong giáo trình cũng nhận sự phản hồi tích cực từ phía giáo viên (90.00%) và hơn một nửa sinh viên (61,19%).

Nhận biết các khía cạnh khác nhau liên quan đến các yếu tố vật chất và thực tế của giáo trình (ví dụ, cách bố trí, hiệu quả của hình ảnh minh họa với bài đọc, độ bền, kích thước phù hợp và chất lượng in) cũng là một lợi thế. Điều quan trọng ở đây là các yếu tố này cũng mang lại cơ hội học tập tốt hơn cho sinh viên (Sabzalipour và cộng sự, 2014). Do đó, việc đánh giá giáo trình phải xét đến các khía cạnh này. Bảng 3 phản ánh nhận thức của giáo viên và sinh viên về những điểm này.

Bảng 3. Tỷ lệ phản hồi của giáo viên và sinh viên về các phát biểu liên quan đến các yếu tố vật chất và thực tế

Câu phát biểu	Tỷ lệ phản hồi					
		1	2	3	4	5
Giáo trình được trình bày rất rõ ràng và đẹp mắt.	T %	0.00	0.00	0.00	40.00	60.00
	S %	1.75	4.55	12.02	30.07	51.61
Giáo trình chỉ rõ cách sử dụng các bài đọc và hình ảnh minh họa một cách hiệu quả.	T %	0.00	0.00	10.00	65.00	25.00
	S %	2.80	7.34	36.72	36.36	16.78
Giáo trình bền có thể sử dụng lâu.	T%	0.00	0.00	25.00	50.00	25.00
	S %	1.75	2.45	20.98	36.01	38.81
Kích thước giáo trình phù hợp.	T%	0.00	0.00	0.00	100.00	0.00
	S %	3.50	7.69	16.23	37.06	35.52
Chất lượng in ấn của giáo trình tốt.	T%	0.00	0.00	0.00	50.00	50.00
	S %	1.40	1.40	13.28	29.72	54.20

T= Giáo viên, S= Sinh viên, %= Tỷ lệ phần trăm, 1= Hoàn toàn không đồng ý, 2= Không đồng ý, 3= Không có ý kiến, 4= Đồng ý, 5= Hoàn toàn đồng ý

Từ số liệu thống kê trong Bảng 3, có thể nhận thấy rằng “giáo trình được trình bày rõ ràng và đẹp mắt” với sự đồng tình từ hai nhóm tham gia khảo sát (100.00% giáo viên và 81.68% sinh viên). Về tính hiệu quả của các hình ảnh minh họa liên quan đến nội dung các bài đọc hay các đoạn văn, thì có sự tương đồng về ý kiến “đồng ý và hoàn toàn đồng ý” từ phía giáo viên (90.00%) và sinh viên (gần 80.00%). 75.00% giáo viên và 74.92% sinh viên chọn câu phát biểu thứ ba. Về kích thước của giáo trình, tất cả giáo viên (100.00%) đồng ý là giáo trình có kích thước phù hợp. Cuối cùng, tỷ lệ phần trăm bằng nhau (50.00%) cho thấy rằng giáo viên đồng ý và nhất trí cao về chất lượng in ấn của sách giáo trình LIFE-Preintermediate. Trong khi đó, phần lớn (83.92%) sinh viên được khảo sát có nhận thức tốt về mục này.

5.2. Đánh giá về nội dung dạy học

Nội dung bài học trong giáo trình LIFE-Preintermediate được trình bày như thế nào sẽ được thảo luận trong phần này. Cụ thể, các yếu tố như bài tập, khía cạnh văn hóa, nguồn tài liệu từ đời sống thực tiễn, các tình huống giao tiếp, các chủ đề...

Bảng 4 sẽ nêu ra những ý kiến phản hồi khác nhau từ hai nhóm tham gia khảo sát.

Bảng 4. Tỷ lệ phản hồi của giáo viên và sinh viên về các phát biểu liên quan đến các yếu tố chung của giáo trình

Câu phát biểu	Tỷ lệ phản hồi					
		1	2	3	4	5
Phần lớn các bài tập rất thú vị	T %	0.00	0.00	0.00	75.00	25.00
	S %	4.90	10.49	31.12	36.01	17.48
Các bài tập được sắp xếp từ dễ đến khó	T %	0.00	0.00	0.00	75.00	25.00
	S %	3.50	4.90	34.95	38.81	22.73
Mục tiêu của các bài tập đều có thể đạt được	T %	0.00	0.00	50.00	50.00	0.00
	S %	2.80	7.34	40.56	36.36	16.78
Các khía cạnh văn hóa trong bài học có thể khai thác được	T%	0.00	0.00	25.00	75.00	0.00
	S %	4.02	8.39	38.11	34.27	15.03
Ngôn ngữ trong giáo trình được trình bày gần gũi và dễ hiểu	T%	0.00	0.00	10.00	80.00	10.00
	S %	1.40	3.85	23.07	41.96	29.72
Các tình huống giao tiếp tự nhiên và gần gũi với đời thường	T%	0.00	0.00	25.00	75.00	0.00
	S %	4.02	8.39	38.11	34.27	15.03
Nguồn tài liệu được cập nhật	T%	0.00	0.00	0.00	100.00	0.00
	S %	1.40	5.24	29.03	37.41	26.92
Các chủ đề trong giáo trình rất đa dạng và tạo hứng thú cho sinh viên	T%	0.00	0.00	25.00	25.00	50.00
	S %	1.40	1.40	20.63	46.15	30.42

T= Giáo viên, S= Sinh viên, %= Tỷ lệ phần trăm, 1= Hoàn toàn không đồng ý, 2= Không đồng ý, 3=Không có ý kiến, 4= Đồng ý, 5= Hoàn toàn đồng ý

Từ các số liệu thống kê trong Bảng 4, có thể thấy rằng 75.00% giáo viên đồng ý nhưng chỉ 25.00% hoàn toàn đồng ý với ý kiến là “các bài tập rất là thú vị”. Trong khi đó, sinh viên (46.51%) đưa ra ý kiến phản đối. Câu phát biểu thứ hai cũng thu được tỷ lệ phần trăm từ giáo viên tương tự như tỷ lệ phần trăm được nêu trong câu đầu tiên (75.00% đồng ý và 25.00% hoàn toàn đồng ý). Ngược lại, sinh viên có những phản hồi khác nhau: thỏa thuận (56.65%), đối lập (8.40%), và trung lập (34.95%). Nói đến mục tiêu bài tập thì 100.00% giáo viên tham gia khảo sát tin rằng các mục tiêu có thể đạt được. Tuy nhiên, sinh viên phản hồi ngược lại chỉ 50.00% sinh viên đồng ý.

Về yếu tố văn hóa trong giáo trình, 75.00% giáo viên đồng ý các khía cạnh văn hóa gần gũi hay phù hợp với văn hóa Việt Nam, chỉ có 25.00% giáo viên không cho ý kiến gì. Tuy nhiên, câu trả lời của sinh viên chỉ ra sự tương đồng (49.30%), không đồng ý (12.59%) và không có ý kiến gì (38.11%). Khi đề cập đến yếu tố ngôn ngữ, giáo viên tỏ ra rất đồng tình với ý kiến này (90.00%) và sinh viên cũng có phản hồi tích cực (71.68%). Toàn bộ giáo viên (100.00%) khẳng định nội dung bài học lấy từ nguồn tài liệu cập nhật. 64.33% sinh viên cũng đồng tình với câu phát biểu này. Liên quan đến chủ đề trong giáo trình, 70.00% giáo viên khẳng định rằng chủ đề đa dạng nhưng cũng có 25.00% phân vân về ý này. Trong khi đó, gần 76.57% sinh viên tỏ ra đồng tình và hài lòng với chủ đề của bài học. Ngoài ra, đánh giá về việc phát triển các kỹ năng ngôn ngữ trong quá trình sử dụng tài liệu học cũng là một yếu tố thiết yếu. Bảng 5 sẽ tổng hợp các ý kiến phản hồi của giáo viên và sinh viên.

Bảng 5. Tỷ lệ phản hồi của giáo viên và sinh viên về các phát biểu liên quan đến phát triển kỹ năng nghe trong quá trình sử dụng giáo trình

Câu phát biểu	Tỷ lệ phản hồi					
		1	2	3	4	5
Giáo trình có các bài luyện nghe phù hợp với mục tiêu của khóa học.	T %	0.00	35.00	0.00	50.00	15.00
	S %	3.50	5.24	32.52	32.17	26.57
Các bài luyện nghe cùng với những hướng dẫn luyện tập rõ ràng dễ hiểu.	T %	0.00	0.00	0.00	75.00	25.00
	S %	2.80	5.24	23.43	40.91	27.62
Các bài luyện nghe được sắp xếp từ dễ đến khó.	T %	0.00	0.00	0.00	100.00	0.00
	S %	2.10	6.64	31.82	40.21	19.23
Các bài luyện nghe sử dụng nguồn tài liệu từ đời sống thực tiễn và gần gũi với tình huống ngôn ngữ hàng ngày.	T %	0.00	0.00	0.00	75.00	25.00
	S %	1.40	2.45	28.67	39.86	27.62

T= Giáo viên, S= Sinh viên, %= Tỷ lệ phần trăm, 1= Hoàn toàn không đồng ý, 2= Không đồng ý, 3= Không có ý kiến, 4= Đồng ý, 5= Hoàn toàn đồng ý

Chỉ 5/10 giáo viên đồng ý rằng các bài tập luyện nghe phù hợp với mục tiêu khóa học. Câu phát biểu này cũng nhận được sự ủng hộ của 1/2 số sinh viên tham gia khảo sát (58.74%). Liên quan đến hướng dẫn của các bài luyện nghe, nhận được sự đồng nhất về ý kiến từ giáo viên (100%) và sinh viên (68.53%). Câu phát biểu thứ ba trong bảng cũng được giáo viên đồng tình (100.00%). Trong khi đó, sinh viên có những phản hồi khác nhau: đồng ý (59.44%), không đồng ý (8.74%), và không quyết định (31.82%). Đáng chú ý, 75.00% giáo viên đồng ý và 25.00% giáo viên hoàn toàn đồng ý rằng giáo trình có các bài luyện nghe sử dụng nguồn tài liệu từ đời sống thực tiễn và gần gũi với ngôn ngữ hàng ngày. Sinh viên cũng phản hồi tích cực (67.48% đồng ý).

Bên cạnh xem xét sự phát triển kỹ năng nghe của sinh viên trong quá trình sử dụng giáo trình, thì kỹ năng nói cũng được chú trọng. Bằng cách này có thể nhận thấy được năng lực giao tiếp của sinh viên có được nâng cao hay không. Bảng 6 dưới đây sẽ đề cập đến ba ý kiến liên quan đến việc đánh giá kỹ năng nói.

Bảng 6. Tỷ lệ phản hồi của giáo viên và sinh viên về các phát biểu liên quan đến phát triển kỹ năng nói trong quá trình sử dụng giáo trình

Câu phát biểu	Tỷ lệ phản hồi					
		1	2	3	4	5
Các hoạt động nói đưa ra những tình huống giao tiếp có ý nghĩa.	T%	0.00	0.00	0.00	75.00	25.00
	S%	1.75	4.55	25.52	40.91	27.27
Các hoạt động nói được sắp xếp hợp lý và được thực hiện dưới hình thức luyện tập cá nhân, cặp và nhóm.	T%	5.00	45.00	0.00	50.00	0.00
	S%	1.75	5.94	21.68	36.01	34.62
Các hoạt động nói tạo hứng thú cho sinh viên luyện tập.	T%	0.00	0.00	0.00	100.00	0.00
	S%	2.80	4.90	26.56	34.62	31.12

T= Giáo viên, S= Sinh viên, %= Tỷ lệ phần trăm, 1= Hoàn toàn không đồng ý, 2= Không đồng ý, 3= Không có ý kiến, 4= Đồng ý, 5= Hoàn toàn đồng ý

Có thể nói, ba tiêu chí đánh giá sự phát triển kỹ năng nói đều nhận được sự phản hồi tích cực từ nhóm giáo viên và sinh viên tham gia khảo sát. Tiêu chí thứ nhất nhận được sự đồng tình của hai nhóm tham gia khảo sát (100% giáo viên và đến 68.18% sinh viên). Không giống như tiêu chí đầu tiên, liên quan đến cân bằng giữa các hoạt động luyện tập cá nhân, cặp và nhóm, chỉ

½ giáo viên đồng ý (50.00%) và nửa còn lại không đồng ý. Tuy nhiên, gần 71.00% sinh viên đồng ý. Tiêu chí cuối cùng, 100.00% giáo viên đồng ý và sinh viên cũng có phản hồi tích cực (65.74%).

Kỹ năng đọc cũng cần được đánh giá. Kỹ năng này được đánh giá dựa trên các tiêu chí như sự sắp xếp của các bài đọc theo các cấp độ, độ dài của bài đọc, mức độ thú vị của bài đọc. Bảng 7 tập hợp đủ đánh giá của giáo viên và sinh viên.

Bảng 7. Tỷ lệ phản hồi của giáo viên và sinh viên về các phát biểu liên quan đến phát triển kỹ năng đọc trong quá trình sử dụng giáo trình

Câu phát biểu	Tỷ lệ phản hồi					
		1	2	3	4	5
Các bài đọc được trình bày từ cấp độ dễ đến khó.	T%	0.00	0.00	0.00	100.00	0.00
	S%	1.40	3.85	26.92	38.81	29.02
Độ dài của các bài đọc phù hợp.	T%	0.00	0.00	25.00	75.00	0.00
	S%	3.85	5.59	29.37	39.16	22.03
Nội dung của các bài đọc rất thú vị tạo hứng thú cho sinh viên.	T%	0.00	0.00	0.00	75.00	25.00
	S%	2.10	4.20	19.57	32.17	41.96

T= Giáo viên, S= Sinh viên, %= Tỷ lệ phần trăm, 1= Hoàn toàn không đồng ý, 2= Không đồng ý, 3= Không có ý kiến, 4= Đồng ý, 5= Hoàn toàn đồng ý

Thống kê trong Bảng 7 cho thấy rằng tất cả (100.00%) giáo viên đồng ý rằng các bài đọc được trình bày theo trình tự từ dễ đến khó. Tuy nhiên chỉ có 67.83% sinh viên tỏ ra đồng ý. Về độ dài của các bài đọc phù hợp, giáo viên có các câu trả lời khác nhau: đồng ý (75.00%) và chưa quyết định (25.00%), sinh viên đồng ý (61.19%). Khi nhắc đến nội dung của các bài đọc, 75.00% đồng ý và 25.00% hoàn toàn đồng ý rằng nội dung thú vị tạo hứng thú cho sinh viên. Điều này nhận được phản hồi tương tự từ sinh viên, hơn 70.00% sinh viên đồng ý.

Ngoài kỹ năng nghe, nói và đọc, viết là một kỹ năng được đánh giá để xem việc sử dụng giáo trình có hiệu quả và thành công hay không. Để đánh giá kỹ năng này, chúng ta hãy xem các con số thống kê trong Bảng 8.

Bảng 8. Tỷ lệ phản hồi của giáo viên và sinh viên về các phát biểu liên quan đến phát triển kỹ năng viết trong quá trình sử dụng giáo trình

Câu phát biểu	Tỷ lệ phản hồi					
		1	2	3	4	5
Giáo trình cung cấp các bài tập đáp ứng được mục tiêu của khóa học và phù hợp với khả năng của sinh viên.	T%	0.00	0.00	0.00	100.00	0.00
	S%	3.50	4.55	28.31	41.96	21.68
Giáo trình cung cấp nhiều loại bài tập luyện viết khác nhau.	T%	0.00	0.00	0.00	50.00	50.00
	S%	3.15	5.94	31.47	38.81	20.63
Giáo trình cung cấp các bài tập thú vị giúp sinh viên hứng thú luyện viết.	T%	0.00	0.00	0.00	75.00	25.00
	S%	4.90	10.84	30.76	29.02	24.48

T= Giáo viên, S= Sinh viên, %= Tỷ lệ phần trăm, 1= Hoàn toàn không đồng ý, 2= Không đồng ý, 3= Không có ý kiến, 4= Đồng ý, 5= Hoàn toàn đồng ý

Như vậy, các bài tập luyện viết đều đáp ứng với mục tiêu cũng như phù hợp với khả năng của sinh viên. Thật vậy, 100.00% giáo viên đồng ý. Sinh viên phản hồi tích cực (63.64% đồng ý), không đồng ý (8.05%), và không có ý kiến (28.31%). Về sự đa dạng của các bài tập luyện viết, một nửa số giáo viên đồng ý (50.00%) và còn lại hoàn toàn đồng ý (50.00%). Tuy nhiên

cũng có 40.56% sinh viên không đồng ý. Cuối cùng, 100.00% giáo viên đồng ý rằng các bài luyện viết thú vị tạo hứng thú cho sinh viên và 53.50% sinh viên đồng ý.

Theo Ur (1996), Sabzalipour và Koosha (2014), giảng dạy và học tiếng Anh còn phụ thuộc vào các yếu tố khác đó là từ vựng, ngữ pháp. Do đó, để nâng cao các kỹ năng học tiếng Anh thì cần xem xét các yếu tố này. Các dữ liệu bằng số dưới đây thể hiện các ý kiến phản hồi về các phát biểu liên quan đến mục từ vựng trong giáo trình.

Bảng 9. Tỷ lệ phản hồi của giáo viên và sinh viên về các phát biểu liên quan đến phát triển từ vựng trong quá trình giáo trình sử dụng giáo trình

Câu phát biểu	Tỷ lệ phản hồi					
		1	2	3	4	5
Số lượng từ mới trong mỗi bài học phù hợp với trình độ của sinh viên	T%	0.00	0.00	25.00	75.00	0.00
	S%	3.50	5.59	27.27	39.86	23.78
Số lượng từ vựng được phân bố hợp lý (dễ đến khó) qua các bài học cũng như toàn bộ giáo trình.	T%	0.00	0.00	0.00	100.00	0.00
	S%	2.45	7.69	29.02	39.86	20.98
Từ vựng được nhắc lại một cách hợp lý và hiệu quả trong giáo trình.	T%	0.00	0.00	0.00	25.00	75.00
	S%	2.10	3.50	29.71	42.66	22.03
Từ vựng phù hợp với ngữ cảnh.	T%	0.00	0.00	0.00	75.00	25.00
	S%	1.05	3.50	32.86	40.56	22.03

Từ Bảng 9, có thể báo cáo rằng giáo viên đã đưa ra những câu trả lời về mức độ thích hợp của các từ vựng liên quan đến trình độ của sinh viên: đồng ý (75.00%) và không có ý kiến (25.00%). Tương tự, các sinh viên cũng thể hiện sự đồng ý (63.64%), không đồng ý (9.09%), và không ý kiến (27.27%). Ngoài ra, hầu hết giáo viên đồng ý từ vựng phù hợp với ngữ cảnh (100%) và sinh viên (62.59%) cũng vậy.

Như đã đề cập ở trên, ngữ pháp là yếu tố tiếp theo cần đánh giá. Nếu không có ngữ pháp, sinh viên sẽ nói và viết các câu không có cấu trúc. Do đó, việc sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh sẽ không mang lại hiệu quả (Sabzalipour & Koosha, 2014). Các ý kiến phản hồi về mục này sẽ được tập hợp trong Bảng 10.

Bảng 10. Tỷ lệ phản hồi của giáo viên và sinh viên về các phát biểu liên quan đến các điểm ngữ pháp trong giáo trình

Câu phát biểu	Tỷ lệ phản hồi					
		1	2	3	4	5
Các chủ điểm ngữ pháp được trình bày có thể truyền tải đến sinh viên.	T%	0.00	15.00	0.00	50.00	35.00
	S%	2.45	3.15	26.92	47.55	19.93
Các chủ điểm ngữ pháp được trình bày trong các ngữ cảnh thích hợp.	T%	0.00	0.00	0.00	100.00	0.00
	S%	2.10	2.10	38.46	40.91	16.43
Các ví dụ minh họa về các chủ điểm ngữ pháp thú vị.	T%	0.00	25.00	25.00	50.00	0.00
	S%	2.45	3.85	28.31	41.96	23.43
Các chủ điểm ngữ pháp được trình bày rõ ràng.	T%	0.00	25.00	25.00	50.00	0.00
	S%	1.75	3.15	26.91	44.06	24.13
Các chủ điểm ngữ pháp được nhắc lại một cách đầy đủ toàn bộ giáo trình.	T%	0.00	0.00	25.00	75.00	0.00
	S%	2.45	3.85	36.71	41.26	15.73

T= Giáo viên, S= Sinh viên, %= Tỷ lệ phần trăm, 1= Hoàn toàn không đồng ý, 2= Không đồng ý, 3= Không có ý kiến, 4= Đồng ý, 5= Hoàn toàn đồng ý

Bảng 10 tổng hợp phản hồi từ giáo viên và sinh viên về ý kiến các chủ điểm ngữ pháp trình bày trong giáo trình có thể truyền tải đến người học như sau: 85.00% giáo viên và gần 68.00% sinh viên thể hiện sự chấp thuận. Liên quan đến các chủ điểm ngữ pháp được giới thiệu trong ngữ cảnh thích hợp, kết quả cho thấy hầu hết giáo viên đồng ý (100.00%). Trong khi đó, chỉ có hơn ½ sinh viên có phản hồi tích cực (57.34%) và không có quyết định (38.46%). Bên cạnh đó, 50.00% giáo viên khẳng định rằng các ví dụ được minh họa thú vị. Ý kiến này cũng nhận sự phản hồi tương tự từ sinh viên (65.39%). Để giúp sinh viên nắm bắt được các điểm ngữ pháp thì cần phải được nhắc lại trong các bài học một cách phù hợp là điều cần thiết. Khi hỏi về điều này, nhận được sự phản hồi tích cực từ giáo viên 75.00% và sinh viên 56.99%.

Một tiêu chí cuối cùng được xem xét khi đánh giá giáo trình là các bài tập (exercises). Bài tập được bố trí hợp lý cùng với những hướng dẫn rõ ràng sẽ giúp sinh viên dễ dàng luyện tập. Theo Soori và Jamshidi (2013), các bài tập nên được trình bày phù hợp với trình độ sinh viên thì sẽ mang lại hiệu quả cho sinh viên trong quá trình. Bảng 11 bao gồm các kết quả khảo sát về các bài tập.

Bảng 11. Tỷ lệ phản hồi của giáo viên và sinh viên về các phát biểu liên quan đến đánh giá bài tập trong giáo trình

Câu phát biểu	Tỷ lệ phản hồi					
		1	2	3	4	5
Giáo trình cung cấp các bài tập với những hướng dẫn rõ ràng dễ hiểu.	T%	0.00	0.00	0.00	50.00	50.00
	S%	2.45	5.59	27.27	33.92	30.77
Giáo trình cung cấp đầy đủ các dạng bài tập	T%	0.00	0.00	0.00	75.00	25.00
	S%	2.45	4.90	27.27	45.10	20.28
Giáo trình cung cấp các bài tập giúp phù hợp với tất cả trình độ sinh viên, từ kém đến giỏi.	T%	0.00	25.00	0.00	50.00	25.00
	S%	5.24	3.85	22.73	37.06	31.12

Như được thống kê trong Bảng 11, tỷ lệ phần trăm bằng nhau (50.00%) cho thấy rằng giáo viên đồng ý và nhất trí rằng các bài tập được hướng dẫn rõ ràng. Phần lớn (64.69%) sinh viên có niềm tin chắc chắn về điều này. Bên cạnh đó, khi được hỏi giáo trình có cung cấp đầy đủ các dạng bài tập không, cũng có nhận định tích cực từ nhóm giáo viên: đồng ý (75.00%) và hoàn toàn đồng ý (25.00%). Sinh viên cũng có ý kiến tương tự, đồng ý (65.38%).

Học ngữ pháp thường gây nhàm chán, khó tạo hứng thú cho người học, nhất là các sinh viên kém. Tuy nhiên qua kết quả khảo sát cho thấy cả giáo viên và sinh viên đều có chung quan điểm đó là các bài tập ngữ pháp được xây dựng cho cả sinh viên giỏi và kém. Chỉ có ¼ số giáo viên (25.00%) không đồng ý, sinh viên (9.09%).

5.3. Những gợi ý của giáo viên về cách sử dụng giáo trình

Các câu hỏi phỏng vấn đã yêu cầu giáo viên đưa ra những gợi ý về cách sử dụng giáo trình LIFE-Preintermediate nhằm nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh trong tương lai. Đây là những gì giáo viên gợi ý để làm cho việc học và dạy thú vị hơn:

Trước hết, để việc giảng dạy mang lại hiệu quả hơn, giáo viên nên tìm cách để khám phá nhu cầu và sở thích học tập của học sinh. Trên thực tế, đó là một công việc khó khăn cho giáo viên vì sinh viên có sở thích khác nhau:

Chúng tôi có thể làm những việc nhỏ như tán gẫu, trao đổi địa chỉ email thông thường, thảo luận nhỏ và tiến hành khảo sát và các nguyện vọng của sinh viên để tôi lắng nghe những gì sinh viên mong muốn và những gì họ mong đợi từ chúng ta” (Cô Hoa, phỏng vấn vào ngày 20/11/2017).

Bằng cách làm như vậy, chúng ta có thể khám phá cá tính, sở thích và phong cách học tập của học sinh. Thứ hai, nhìn chung giáo trình LIFE-Pre-intermediate nhận được sự ủng hộ từ giáo viên và sinh viên. Tuy nhiên, điểm yếu cũng không thể tránh khỏi. Trong quá trình phỏng vấn một số giáo viên đưa ra một số góp ý liên quan đến chiến lược học tập. Đây cũng là một trong những yếu tố giúp sinh viên học tốt. Tuy nhiên, giáo trình thực sự không giới thiệu đến. Do đó:

Tùy theo trình độ của sinh viên, giáo viên cho học sinh các chiến lược học tập bằng cách cung cấp tài liệu học tập thêm cho sinh viên với các mẹo và bài tập cần thiết rõ ràng” (Cô Hạnh, phỏng vấn vào ngày 20/11/2017).

Chúng tôi khuyến khích các giáo viên chia sẻ các chiến lược học tập của họ hoặc giới thiệu sinh viên tới các trang web đích đáng để học sinh làm quen với các chiến lược học tập tiếng Anh đích thực. Thứ ba, 4/10 giáo viên cho rằng các bài nghe hơi khó. Vì vậy, qua phỏng vấn khi được hỏi về việc phát triển 4 kỹ năng nghe, nói, đọc và viết. Chỉ có kỹ năng nghe chưa nhận được sự đồng tình.

Giáo viên nên có điều chỉnh cho phù hợp với trình độ sinh viên” (Cô Hạnh, phỏng vấn vào ngày 20/11/2017). “Đôi khi, cung cấp thêm một số bài nghe như các bài hát, các cuộc trò chuyện hài hước hoặc các trò chơi tương tự thực sự giúp học sinh cảm thấy hứng thú khi nghe; hoặc có thể điều chỉnh cho phù hợp với trình độ của sinh viên” (Cô Hoa, phỏng vấn ngày 20/11/2017).

Cuối cùng ngay cả khi có giáo trình tốt rồi thì giáo viên vẫn đóng vai trò quan trọng nhất trong việc quyết định thành công của học sinh. Do đó, giáo viên đôi khi linh hoạt chọn những phần quan trọng nhất có liên quan chặt chẽ đến sinh viên để dạy học sinh và thể hiện những vai trò khác nhau khi thì như một người bạn, khi thì như một giáo viên hoặc thậm chí một thành viên trong gia đình để tạo nên mối quan hệ thân thiện giữa giáo viên và sinh viên.

6. Kết luận và kiến nghị

Hầu hết các sinh viên đều đánh giá giáo trình LIFE-Pre-intermediate là một giáo trình tốt thể hiện ở nội dung phong phú, cấu trúc ngữ pháp và ở các hoạt động nghe, nói, đọc, viết. Vì vậy, theo tiến trình bài học và sự liên kết giữa các bài, sinh viên có thể phát triển đủ các kỹ năng. Kiến thức của cuốn sách phù hợp với nhu cầu của hầu hết sinh viên tham gia khảo sát. Các số liệu cho thấy, các chủ đề trong giáo trình là thực tế và phong phú, nội dung cũng phù hợp với sở thích, tuổi và kiến thức nền của sinh viên. Đáng lưu ý, giáo trình đáp ứng được nhu cầu của sinh viên và hướng đến mục tiêu của khóa học. Đó là lý do khẳng định tại sao hai tiêu chí chính để đánh giá đó là các thuộc tính chung (general attributes) và nội dung dạy học (learning-teaching content) trong giáo trình đều nhận được phản hồi tích cực từ hai nhóm tham gia khảo sát. Một số ý kiến nhỏ từ phía giáo viên chỉ để làm tăng thêm hiệu quả của việc sử dụng giáo trình này. Kết quả của nghiên cứu cũng chỉ ra rằng sách giáo khoa nên được tiếp tục sử dụng cho sinh viên.

Nên tiếp tục sử dụng, giáo trình hay, CD room soạn quá tốt, thu hút người học, có nhiều bài tập làm thêm cho sinh viên luyện 4 kỹ năng” (Cô Hoa, phỏng vấn vào ngày 20/11/2017).

Đáng lưu ý, phần lớn giáo viên và sinh viên (90% giáo viên và 87% sinh viên) cho rằng giáo trình phù hợp với trình độ của người học cũng như khẳng định rằng giáo trình này hướng tới đáp ứng mục tiêu của chương trình giảng dạy tiếng Anh cấp độ B1 cũng như là mong đợi của sinh viên sau khóa học cho nên cũng góp phần tạo nên hứng thú học tập cho sinh viên.

Tóm lại, bằng cách so sánh tất cả các ý kiến phản hồi của giáo viên và sinh viên về các tiêu chí đánh giá giáo trình kết hợp với so sánh mức độ đáp ứng của giáo trình với mục đích học của sinh viên, có thể khẳng định việc chọn giáo trình LIFE-Pre-intermediate để dạy là phù hợp với nhu cầu và sở thích của sinh viên. Vì giáo trình này đã cung cấp cho sinh viên rất nhiều hoạt động để phát triển khả năng giao tiếp và chức năng ngôn ngữ, nhiều bài nghe đa dạng và bài đọc thú vị; nhiều hoạt động và dạng bài ngữ pháp với phần lí thuyết vừa đủ, phần từ vựng được trình bày khá đồng nhất. Riêng về phát triển kỹ năng học tập, trong quá trình giảng dạy, giáo viên có thể giới thiệu thêm cho sinh viên về các kỹ thuật làm bài nghe, nói, đọc, viết ngoài những nội dung đã được giới thiệu trong giáo trình. Cuối cùng, kết quả của nghiên cứu cũng chỉ ra rằng giáo trình nên được tiếp tục sử dụng cho sinh viên.

Tài liệu tham khảo

- Ahmad, D.H.B.A., Sungif, N.A.B.M., & Mukundan, J. (2014). Evaluation of Malaysian primary English language textbooks. *Advances in Language and Literary Studies*, 5(5), 5-9.
- Ahmadi, A., & Derakhshan, A. (2016). EFL Teachers' Perceptions towards Textbook Evaluation. *Theory and Practice in Language Studies*, 6(2), 260-267, February 2016. ISSN 1799-2591. DOI: <http://dx.doi.org/10.17507/tpls.0602.06>.
- Ahour, T., & Ahmadi, E. (2012). Retrospective evaluation of textbook "Summit 2B" for its suitability for EFL undergraduate students. *Book of Proceedings of the International Conference on Human and Social Sciences*, 6, 176-184.
- Branch, R. M. (2009). *Instructional design: The ADDIE approach*. New York: Springer.
- Cunningsworth, A. (1995). *Choosing your coursebook*. Oxford: Heinemann.
- Miekley, J. (2005). ESL textbook evaluation checklist. *The Reading Matrix*, 5(2).
- Mukundan, J., Nimehchisalem, V., & Hajimohammadi, R. (2011). Developing an English language textbook evaluation checklist: a focus group study. *International Journal of Humanities and Social Science*, 1(12), 100-106.
- McGrath, I. (2002). *Materials evaluation and design for language teaching*. Edinburgh: Edinburgh University Press.
- Sabzalipour, B., & Koosha, M. (2014). The evaluation of Iranian high school English textbook from the prospective of Teachers. *Asian Journal of Social Sciences and Humanities*, 3(3), 215-228.
- Soori, A., & Jamshidi, T. (2013). Textbook evaluation for the students of speech therapy. *Advances in Language and Literary Studies*, 4(2), 159-164.
- Tomlinson, B. (2011). *Materials development in language teaching* (2nd edition.). Cambridge: Cambridge University Press.
- Ur, P. (1996). *A course in language teaching*. Cambridge: Cambridge University Press.

AN EVALUATION OF COURSEBOOK “LIFE-PREINTERMEDIATE” FROM THE PERSPECTIVES OF ENGLISH TEACHERS AND NON- ENGLISH MAJORED STUDENTS AT UNIVERISTY OF FOREIGN LANGUEGES, HUE UNIVERISTY

Abstract: Ahmadi and Derakhshan (2016) states that textbook evaluation helps the teachers find appropriate course books and let them regulate and modify them to meet the learners' needs. Many researchers and teachers of English are also aware of the significance of coursebook evaluation. The study conducted here is to find out teachers' and students' perceptions toward the strengths and weaknesses of the coursebook LIFE-Preintermediate by Hughes John, Stephenson Helen và Dummett Paul published by Cengage Learning after its three-year use in Hue College of Forgeign Languages for first and second year non-English majored students. A coursebook evaluation checklist adopted from Mukundan and Nimechisalem (2011) and delivered to 10 teachers and 120 students, and interviews of two teachers were used to get the data. Based on the data collected, the authors performed thorough analysis and produced recommendations to better the teaching and learning of English with the coursebook.

Keywords: Coursebook evaluation, perceptions, evaluation checklist